HAIVIET
VIMCERTS 312
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT
Địa chỉ: Nhà số 2, Lô L7B, khu đô thị PG An Đồng, An Hải, Hải Phòng
Điện thoại: (0225) 3737499 Email: haiviet.hp88@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.694/17.04.2026_KQ

1. Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ
2. Địa chỉ : Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1), phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng
3. Địa điểm quan trắc : Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1), phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng
4. Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
5. Ngày lấy mẫu : 27/03/2026
6. Thời gian phân tích : 27/03/2026 đến ngày 17/04/2026

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT)	KCN Nam Đình Vũ	QCVN 40: 2011/BTNMT (cột B-C_{max})
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	27	45	40
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,8	5 - 9	5,5÷9
3.	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	29	170	150
4.	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	23	300	65
5.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	45	500	195
6.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	13	200	130
7.	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	6,2	80	52
8.	Amoni (NH_4^+-N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,48	20	13
9.	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	4,75	8	7,8
10.	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,001	0,5	0,65
11.	Xyanua (CN^-)	mg/L	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2023	<0,002	0,1	0,13
12.	Sunfua (S_2^-)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,11	0,5	0,65
13.	Cr(VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,003	0,1	0,13
14.	Cu	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,03	2	2,6
15.	Ni	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,03	0,5	0,65
16.	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,02	3	3,9
17.	Mn	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,04	1	1,3
18.	As	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,001	0,1	0,13
19.	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,002	0,1	0,13
20.	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,005	0,5	0,65

-"-": Không quy định
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

21.	Hg	mg/L	SMEWW 3112B:2023	<0,00015	**0,01**	**0,013**
22.	Fe	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,03	**5**	**6,5**
23.	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F^-.B&D:2023	0,41	**10**	**13**
24.	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,4	**2**	**2,6**
25.	Cr^{3+}	mg/L	SMEWW 3113B:2023+ SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,05	**1**	**1,3**
26.	Tổng hoạt độ phóng xạ α(*)	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	<0,01	**0,1**	**0,1**
27.	Tổng hoạt độ phóng xạ β(*)	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	<0,1	**1,0**	**1,0**
28.	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,5	**10**	**13**
29.	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	20	**7.500**	**5.000**

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NT2: Bể chứa nước thải sau xử lý khu phía Nam. Tọa độ: 20°47'32,8" N; 106°48'56,3"E. Mã hoá: 8.270326

- Quy chuẩn so sánh:

+ KCN Nam Đình Vũ: Giá trị giới hạn tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý tập trung của KCN Nam Đình Vũ đối với các doanh nghiệp.

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cột B quy định giá trị C (mg/L) của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Giá trị $C_{max} = C \times K_q \times K_f$ với $K_f = 1$, $K_q = 1,3$.

- Thông tin khác:

(*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Đào tạo và Tư vấn môi trường HTC (VIMCERTS 343).

Hải Phòng, ngày 17 tháng 04 năm 2026

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0201353781 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT

GIÁM ĐỐC
Không Minh Thanh

-"-": Không quy định
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty